

- I. Các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế**
- II. Các lý thuyết mới về thương mại quốc tế**
- III. Lợi ích của ngoại thương**
- IV. Ngoại thương của một nền kinh tế mở, quy mô nhỏ**



### I. Các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế

- Quan niệm của các học giả trọng thương
- Quan điểm của Adam Smith (Lý thuyết lợi thế tuyệt đối)
- Quan điểm của David Ricardo (Lợi thế so sánh)
- Quan điểm của J.Stuart Mill (Lý thuyết về giá trị quốc tế, mối tương quan của cầu)
- Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)
- Quan điểm của C.Mac về ngoại thương
- Nhận xét về các giả thuyết



### 1. Quan niệm của các học giả trọng thương

Hoàn cảnh ra đời: Thời kỳ tích lũy nguyên thủy của CNTB

Quan điểm:

Thước đo sự giàu có của mỗi quốc gia là lượng vàng, bạc của quốc gia đó

→ COI TRỌNG NGOẠI THƯƠNG

- Xuất khẩu càng nhiều càng tốt, ưu tiên xuất khẩu thành phẩm
- Hạn chế nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu thành phẩm
- Khuyến khích chở hàng bằng tàu của nước mình
- Sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động ngoại thương

**CHỦ NGHĨA TRỌNG THƯƠNG MỚI ?  
(NEW MERCHANTILISM)**

### 1. Quan niệm của các học giả trọng thương

**Ưu điểm:**

**Là những tư tưởng đầu tiên về TMQT**

**Nhược điểm:**

**Quá chú ý đến vai trò của Nhà nước**

**Ít tính lý luận, chưa giải thích được bản chất**

**Coi vàng bạc là thứ của cải duy nhất của quốc gia.**

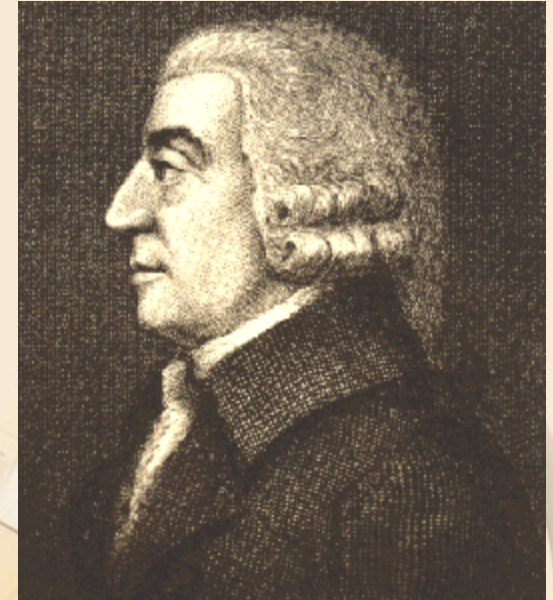
**Coi thương mại là một trò chơi có tổng lợi ích bằng 0.**

...



## 2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối (Absolute Advantage)

- Tác giả: Adam Smith (1723-1790)
- Tác phẩm: The Wealth of Nations (1776)
- Quan điểm: Sự giàu có, phồn thịnh của một quốc gia phụ thuộc vào số hàng hoá và dịch vụ mà quốc gia đó sản có ở trong n- ớc.



## 2. Lợi thế tuyệt đối

### 2.1 Nội dung

- a) Thước đo sự giàu có của mỗi quốc gia và sự phân công lao động
  - Sự giàu có thực sự của một nước là tổng số hàng hóa và dịch vụ có sẵn ở nước đó
  - Trong điều kiện thương mại tự do, lợi ích của TMQT thu được do thực hiện nguyên tắc phân công. Cõi TM là một trò chơi có tổng dương

## 2. Lợi thế tuyệt đối

### 2.1 Nội dung

#### b) Quan niệm về lợi thế tuyệt đối

- Một quốc gia được coi là có lợi thế tuyệt đối về một mặt hàng nếu với cùng một đơn vị nguồn lực, quốc gia đó có thể sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn, nghĩa là có năng suất lao động cao hơn.
- Các quốc gia nên chuyên môn hóa vào việc sản xuất các hàng hóa mình có lợi thế tuyệt đối và sau đó trao đổi hàng hóa với các quốc gia khác

## 2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối

Lợi thế tuyệt đối đề cập đến số lượng của một loại sản phẩm có thể được sản xuất ra, sử dụng cùng một đơn vị nguồn lực ở hai nước khác nhau.

	Gạo	Vải
Việt nam	2	2
Hàn quốc	1	4



### 2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối

Chuyển một đơn vị nguồn lực của Việt nam sang sản xuất gạo và một đơn vị nguồn lực của Hàn quốc sang sản xuất vải.

	Việt nam	Hàn quốc	Cộng
Gạo	+2	-1	+ 1
Vải vóc	-2	+ 4	+2

## 2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối

### c. Nguồn gốc lợi thế tuyệt đối

- Lợi thế tự nhiên: liên quan đến các điều kiện khí hậu và tự nhiên.
- Lợi thế do nỗ lực: là lợi thế có được do sự phát triển của công nghệ và sự lành nghề (nhờ chuyên môn hóa).



## 2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối

c) Nguồn gốc lợi thế tuyệt đối:

Chuyên môn hóa có thể giúp các nước gia tăng hiệu quả do:

- (1) Người lao động sẽ lành nghề hơn do họ lặp lại cùng một thao tác nhiều lần
- (2) Người lao động không phải mất thời gian chuyển từ việc SX sản phẩm này sang sp khác
- (3) Do làm cùng một công việc lâu dài, người lao động sẽ nảy sinh các sáng kiến, đề xuất các phương pháp làm việc tốt hơn

#### d) Ưu, nhược điểm và khả năng áp dụng

- Lợi thế tuyệt đối đã bắt đầu đi sâu vào mối liên hệ bên trong của CNTB. LT này ủng hộ thương mại tự do.
- LT này là cơ sở để các quốc gia định hướng chuyên môn hóa và trao đổi các mặt hàng.
- LT này vẫn chưa giải thích được vì sao TM vẫn diễn ra khi một quốc gia bất lợi thế tuyệt đối (hoặc ngược lại) về tất cả các mặt hàng.



### 3. Lý thuyết về lợi thế so sánh của D.Ricardo

Nếu như khái niệm lợi thế tuyệt đối được xây dựng trên cơ sở sự khác biệt về lượng nguồn lực cần có để SX 1 đơn vị sản phẩm ở các quốc gia khác nhau (hay hiệu quả sản xuất tuyệt đối), thì lợi thế so sánh lại xuất phát từ CHI PHÍ CƠ HỘI (hay hiệu quả SX tương đối).



## Bản chất của lợi thế so sánh

Sản phẩm	Mỹ	Anh
Lúa mì (kg/giờ)	6	1
Vải (mét/giờ)	4	2

Anh có bất lợi thế tuyệt đối so với Mỹ để sản xuất cả 2 loại sản phẩm (lúa mì và vải)

Anh có lợi thế so sánh về vải

Mỹ có lợi thế so sánh về lúa mì

$$C_{X-A} / C_{X-B} < C_{Y-A} / C_{Y-B}$$

Sản phẩm	Mỹ	Anh
Lúa mì	4/6 (vải)	2/1 (vải)
Vải	6/4 (lúa mì)	1/2 (lúa mì)

## Bản chất của lợi thế so sánh

Sản phẩm	Mỹ	Anh
Lúa mì (kg/giờ)	6	1
Vải (mét/giờ)	4	2

Anh có bất lợi thế tuyệt đối so với Mỹ để sản xuất cả 2 loại sản phẩm (lúa mì và vải)

Anh có lợi thế so sánh về vải

Mỹ có lợi thế so sánh về lúa mì

Sau khi chuyên môn hóa, Anh sản xuất vải, Mỹ sản xuất lúa mì:

Sản phẩm	Mỹ	Anh	Tổng SL
Lúa mì (kg/giờ)	+6	-3	+3
Vải (mét/giờ)	-4	+6	+2

## 2. Lý thuyết về lợi thế so sánh của D.Ricardo

	Gạo	Vải
Việt nam (dvsp/h ld)	1	2
Hàn quốc (dvsp/h ld)	3	4

**Chi phí cơ hội của mặt hàng X là số lượng mặt hàng Y cần được cắt giảm để sản xuất thêm một đơn vị hàng hóa X**

	Gạo	Vải
Việt Nam	2/1 vải	1/2 gạo
Hàn quốc	4/3 vải	3/4 gạo



### 2. Lý thuyết về lợi thế so sánh của D.Ricardo

- Nước A được coi là có lợi thế so sánh về mặt hàng X nếu chi phí cơ hội để sản xuất mặt hàng X ở nước A thấp hơn chi phí cơ hội của mặt hàng X ở nước B.
- Mọi nước đều có lợi khi tham gia phân công lao động quốc tế nhờ việc chuyên môn hóa vào sản xuất mặt hàng mà mình có lợi thế so sánh, sau đó trao đổi lấy mặt hàng mà mình bất lợi thế so sánh.

**CƠ SỞ CỦA THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ LÀ LỢI THẾ SO SÁNH**

# Trường hợp đặc biệt

Sản phẩm	Mỹ	Anh
Lúa mì (kg/giờ)	6	3
Vải (mét/giờ)	4	2

Lợi thế tuyệt đối nếu thiếu lợi thế so sánh thì không có lợi ích từ trao đổi

# Hệ số biểu thị lợi thế so sánh viết tắt là RCA (the Coefficient of Revealed Comparative Advantage)

## Công thức:

$$RCA = \frac{E_{XA}}{E_A} : \frac{E_{XW}}{E_W}$$

Trong đó:

$E_{XA}$ : Giá trị XK sản phẩm X của quốc gia A

$E_A$ : Tổng giá trị XK của quốc gia A

$E_{XW}$ : Giá trị XK sản phẩm X của toàn thế giới

$E_W$ : Tổng giá trị XK của toàn thế giới.

## Ý nghĩa:

Chỉ ra khả năng cạnh tranh xuất khẩu của một quốc gia về một sản phẩm xác định trong mối tương quan với mức xuất khẩu thế giới của sản phẩm đó

$RCA < 1$ : Sản phẩm không có lợi thế so sánh

$1 < RCA < 2.5$ : Sản phẩm có lợi thế so sánh cao

$RCA \geq 2.5$ : Sản phẩm có lợi thế so sánh rất cao

# Hệ số RCA của một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam

	Lợi thế so sánh tăng	Lợi thế so sánh không đổi	Lợi thế so sánh giảm
Có lợi thế so sánh	Chè Giày dép Thủy sản	Cao su Dệt may Dầu thô	Gạo Cà phê
Không có lợi thế so sánh	Đóng tàu Ô tô Điện tử		



### **4. Quan điểm của J.Stuart Mill (Lý thuyết về giá trị quốc tế, mối tương quan của cầu):**

**Giới hạn tỷ lệ trao đổi mậu dịch chính là những tỷ lệ trao đổi trong nước, tùy ở năng suất tương đối của mỗi quốc gia.**

**Trong giới hạn này, tỷ lệ mậu dịch thực sự tùy thuộc vào số cầu của mỗi nước đối với sản phẩm của nước khác**

**Tỷ lệ trao đổi này sẽ ổn định khi xuất khẩu của một quốc gia vừa đủ để trang trải số nhập khẩu của quốc gia đó.**

	Gạo	Vải
Việt nam	1	2
Hàn quốc	3	4

**Tỷ lệ trao đổi trong nước:**

**Việt Nam:** 1 gạo = 2 vải  $\rightarrow$  2 gạo = 4 vải

**Hàn quốc:** 3 gạo = 4 vải

**Tỷ lệ trao đổi quốc tế:**

**4 vải = 2 gạo đến 3 gạo**

	Gạo	Vải
Việt nam	-2	+4
Hàn quốc	+3	-4

**Việt Nam: di chuyển 2h lao động**

**Chuyên môn hóa: +4 vải – 2 gạo**

**Trao đổi - 4 vải + 2,5 gạo**

**Tổng: + 0,5 gạo**

**Hàn quốc: di chuyển 2h lao động**

**Chuyên môn hóa: -4 vải + 3 gạo**

**Trao đổi + 4 vải - 2,5 gạo**

**Tổng: + 0,5 gạo**

### 5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

**Khái niệm hàm lượng các yếu tố:**

Mặt hàng X được coi là sử dụng nhiều (một cách tương đối) lao động nếu tỷ lệ giữa lượng lao động và các yếu tố khác (vốn) sử dụng để sản xuất ra một đơn vị mặt hàng đó lớn hơn tỷ lệ tương ứng các yếu tố đó để sản xuất ra một đơn vị mặt hàng Y khác.

$$LX/KX > LY/KY$$

**Khái niệm về sự dồi dào tương đối của các yếu tố:**

Quốc gia A được coi là dồi dào tương đối về lao động nếu tỷ lệ giữa lượng lao động và các yếu tố sản xuất khác của quốc gia đó lớn hơn tỷ lệ tương ứng của quốc gia khác.

$$LA/KA > LB KB$$



### 5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

Một quốc gia sẽ xuất khẩu những mặt hàng mà việc sản xuất đòi hỏi sử dụng nhiều một cách tương đối yếu tố sản xuất dồi dào của quốc gia đó.

### 5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

**Các mệnh đề khác của LT H-O:**

#### **Định lý cân bằng giá cả yếu tố sản xuất:**

Thương mại tự do sẽ làm cho giá cả các yếu tố sản xuất có xu hướng trở nên cân bằng và nếu hai quốc gia tiếp tục sản xuất cả hai mặt hàng (chuyên môn hóa không hoàn toàn) thì giá cả các yếu tố sẽ thực sự trở nên cân bằng.

### 5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

#### Định lý Rybzyński:

Tại mức giá hàng hóa tương quan không đổi thì sự gia tăng mức cung của một yếu tố sản xuất sẽ làm tăng sản lượng mặt hàng sử dụng nhiều yếu tố đó và làm giảm sản lượng của mặt hàng kia.

### 5. Quan điểm của Heckscher-Ohlin (Lý thuyết về tỷ lệ các yếu tố)

#### Định lý Stolper-Samuelson:

Nếu giá tương quan của một mặt hàng nào đó tăng lên thì giá tương quan của yếu tố được sử dụng nhiều một cách tương đối để sản xuất ra mặt hàng đó sẽ tăng lên còn giá tương quan của yếu tố kia sẽ giảm xuống.



# Cấu trúc cân bằng chung của học thuyết H-O

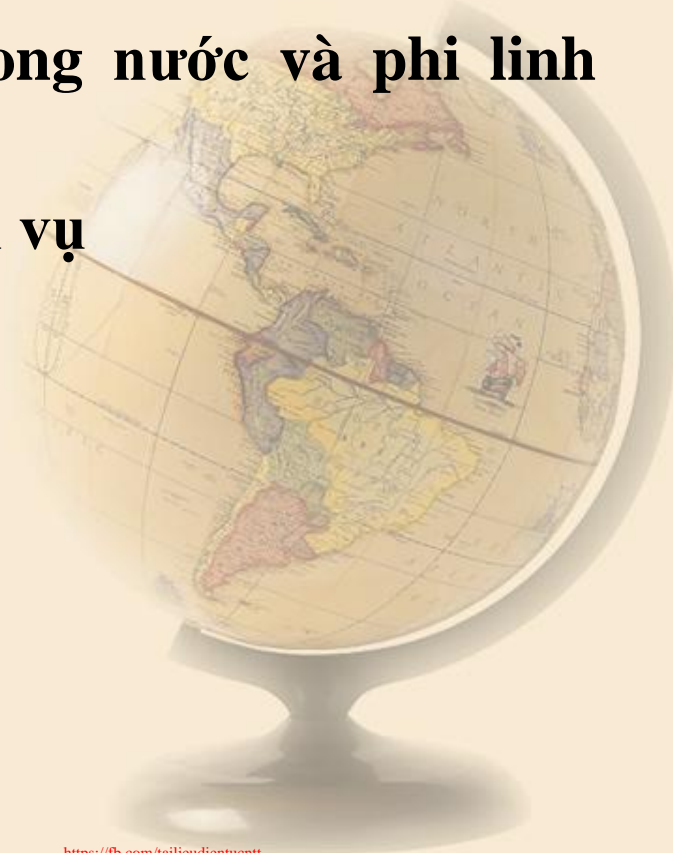


### 6. Quan điểm của C.Mác về ngoại thương

- Thứ nhất: Nguyên tắc chi phối ngoại thương là bình đẳng cùng có lợi. Chi phí lao động là nguồn lực quan trọng nhất, cơ sở quan trọng nhất để phân tích lợi ích NT. Phê phán quan điểm được-mất của CN trọng thương
- Thứ hai: sự hình thành và phát triển của ngoại thương là tất yếu khách quan của phương thức SX TBCN.

### 7. Nhận xét về các giả thuyết của các lý thuyết cổ điển

- Toàn dụng lao động
- Không xét đến chi phí vận chuyển, bảo hiểm, thuế quan và hàng rào bảo hộ mậu dịch
- Tính linh động của tài nguyên trong nước và phi linh động giữa các nước.
- Không xem xét đến thương mại dịch vụ



a. Hãy chỉ ra trong mỗi trường hợp sau, có thể có thương mại giữa Anh và Mỹ không. Nếu có thì quốc gia nào sẽ chuyên môn hóa vào mặt hàng nào?

	TH A		TH B		TH C	
	US	UK	US	UK	US	UK
Lúa mỳ (tạ/giờ lao động)	8	3	8	4	8	4
Vải (m/giờ lao động)	2	5	4	2	7	2

b. Giả sử trong trường hợp C, tỷ lệ trao đổi là 3 mét vải lấy 4 tạ lúa mỳ. Với tỷ lệ trao đổi này, có thương mại quốc tế không. Chỉ ra lợi ích mà mỗi nước thu được từ thương mại quốc tế.



**Cho biết số ngày công lao động cần thiết để sản xuất một đơn vị sản phẩm ở mỗi nước như sau:**

	Việt Nam	Nhật Bản
Vải	3 ngày	2 ngày
Thép	6 ngày	5 ngày

- Tính số đơn vị sản phẩm mà mỗi nước sản xuất được với một ngày công lao động.**
- Giả sử rằng Nhật bản có 1000 ngày công lao động. Hãy vẽ đường giới hạn khả năng sản xuất của nước này.**
- Giả sử tỷ lệ trao đổi là 1 thép = 2 vải, vẽ đường giới hạn khả năng tiêu dùng của Nhật Bản.**
- Hãy xác định điểm tiêu dùng của Nhật Bản trước và sau khi có thương mại. Chỉ ra rằng thương mại cho phép nước này đạt tới điểm tiêu dùng mới với mức tiêu dùng cả hai mặt hàng đều tăng lên.**

Thép

250

200

A

B

500

Vải

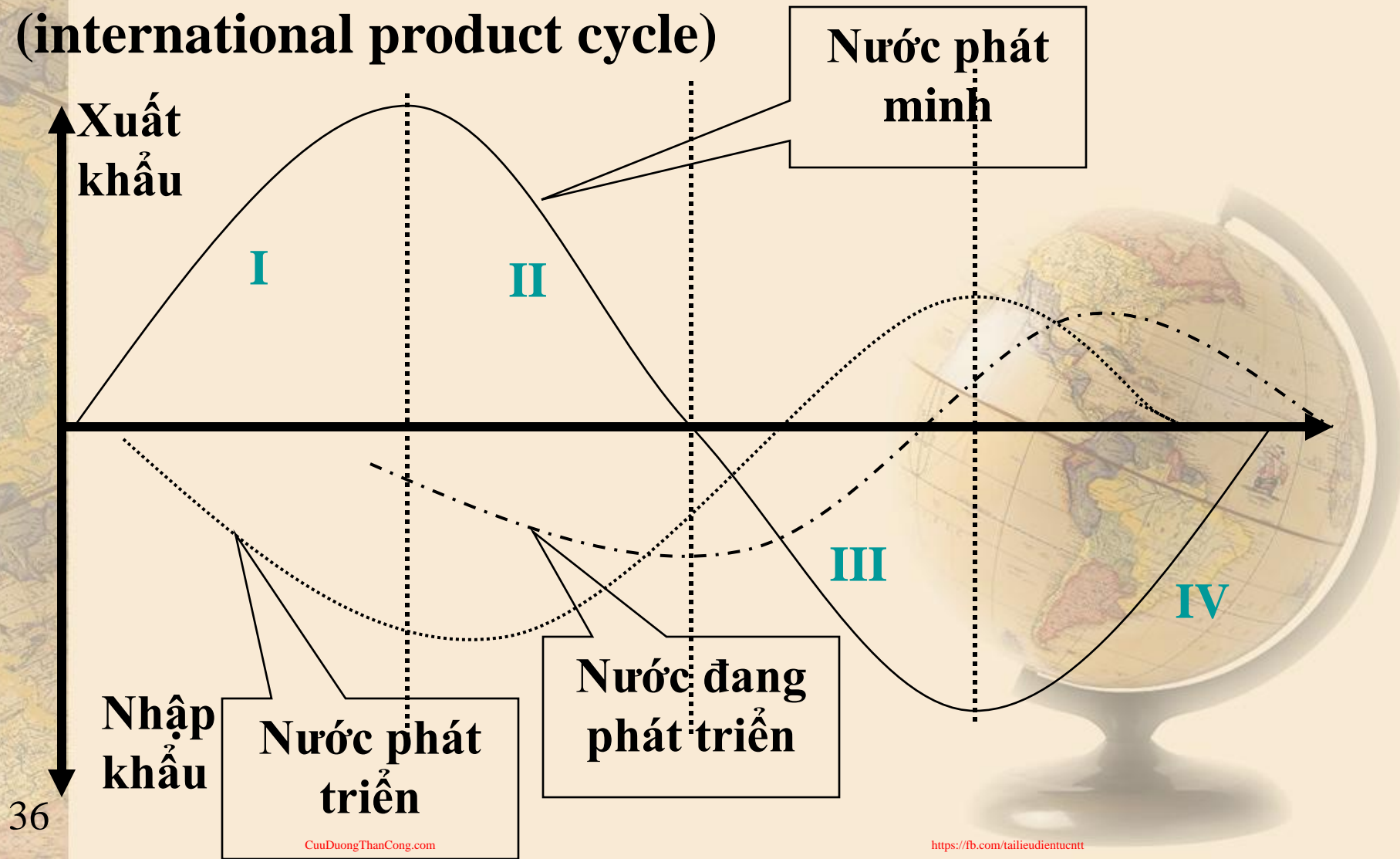
	Việt Nam	Nhật Bản
Vải	$1/3$	$1/2$
Thép	$1/6$	$1/5$

### II. Các lý thuyết mới về thương mại quốc tế

1. Lý thuyết về vòng đời quốc tế của sản phẩm (international product cycle)
2. Lý thuyết về lợi thế cạnh tranh quốc gia (national competitive advantage)



## 1. Lý thuyết về vòng đời quốc tế của sản phẩm (international product cycle)





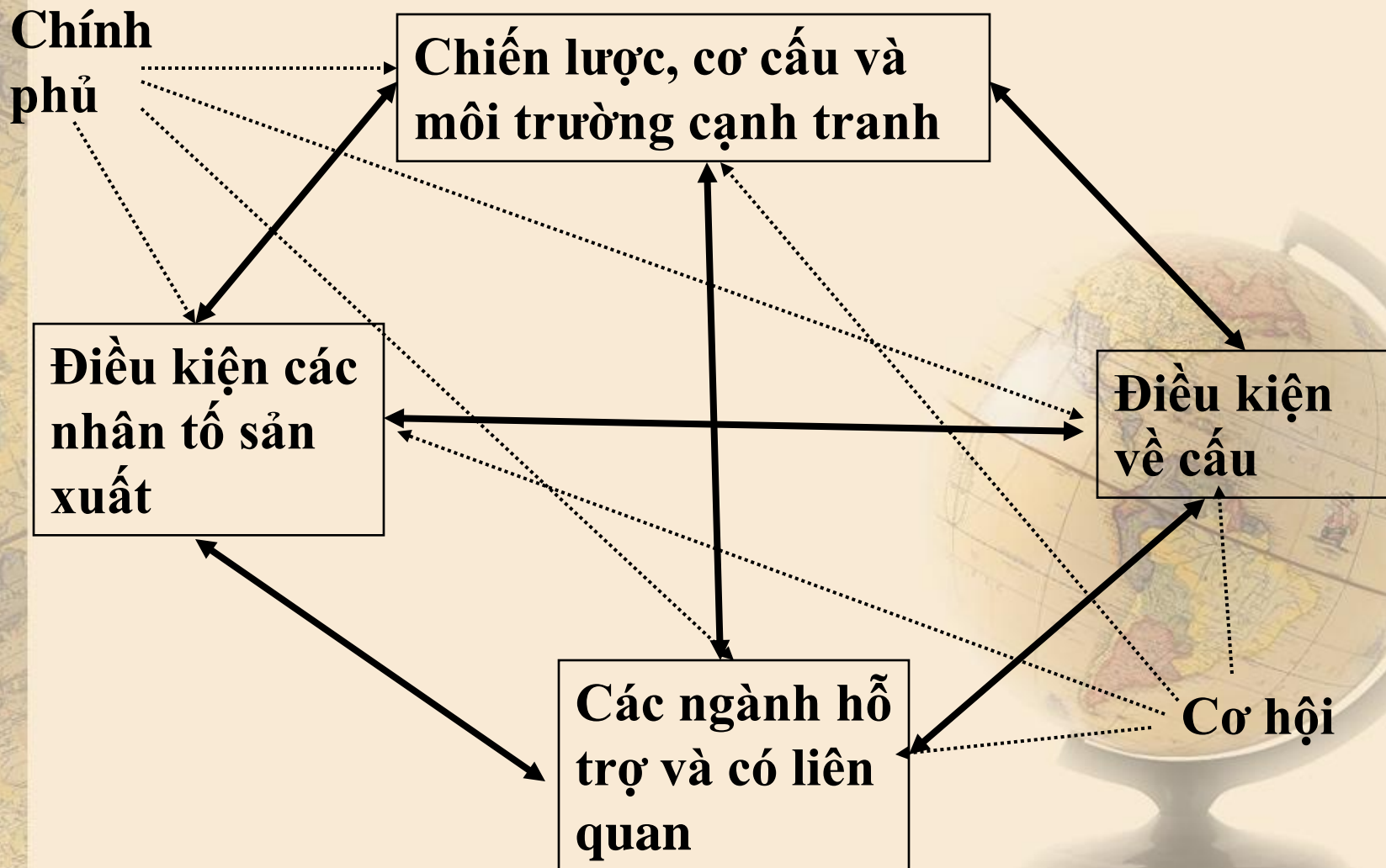
# 1. *LT về vòng đời quốc tế của sản phẩm* *(International product cycle)*

- Tác giả: Raymond Vernon khởi xướng LT này vào giữa những năm 1960
- Tại tI: Sản phẩm được tạo ra tại nước phát minh. Việc sản xuất và tiêu thụ còn mang tính chưa chắc chắn, phụ thuộc nhiều vào nguồn cung nhân công lành nghề và khoảng cách gần gũi với thị trường.
- tII: Sp được sản xuất (với chi phí cao) bởi nước phát minh (nước phát triển cao và giàu có) và là nước XK sp này.

- tII: khi sp trở nên chín muồi, được gọi là giai đoạn chuẩn hóa về công nghệ. Thị trường tiêu thụ mở rộng tạo điều kiện tổ chức SX trên quy mô lớn với chi phí thấp. Các nước phát triển khác có thể bắt chước công nghệ và do dôi dào tương đối về vốn, lợi thế so sánh sẽ chuyển sang các nước này. Các nước này từ chỗ NK sẽ chuyển thành các nước XK sp này.

- tIII: Nước phát minh từ chỗ nước XK chuyển sang vai trò nước NK. Lúc này họ có thể quay sang khai thác các giá trị sử dụng mới của sp hoặc phát minh sp mới.
- tIV: Cuối cùng khi sản phẩm được chuẩn hóa, quá trình sx có thể được chia làm nhiều công đoạn khác nhau và tương đối đơn giản. Lợi thế so sánh chuyển sang các nước đang phát triển nơi có lao động dồi dào và chi phí thấp, những nước này lại thành những nước XK tại tIV.

### 2. Lý thuyết về lợi thế cạnh tranh quốc gia (national competitive advantage)





# II. CÁC HỌC THUYẾT MỚI VỀ TMQT

## 2. *LT về lợi thế cạnh tranh quốc gia (National Competitive Advantage)- Mô hình kim cương của M.Porter*

### b) Nội dung

Lợi thế cạnh tranh QG thể hiện ở sự liên kết của 4 nhóm yếu tố:

- *Điều kiện yếu tố sản xuất*: lao động có tay nghề, các điều kiện về cơ sở hạ tầng cần thiết cho cạnh tranh trong một ngành cụ thể....
- *Điều kiện về cầu*: cầu trong nước về một sản phẩm hoặc một dịch vụ.
- *Điều kiện về các ngành công nghiệp hỗ trợ và có liên quan*: Việc có hay không những ngành công nghiệp hỗ trợ và có liên quan cũng là một lợi thế cạnh tranh giữa các quốc gia.
- *Chiến lược, cơ cấu và môi trường cạnh tranh được quyết định bởi cách thức tổ chức doanh nghiệp*: thành lập, tổ chức, quản lý doanh nghiệp và sự cạnh tranh trong nước.

## II. CÁC HỌC THUYẾT MỚI VỀ TMQT

### 2. *LT về lợi thế cạnh tranh quốc gia (National Competitive Advantage)- Mô hình kim cương của M.Porter*

#### b) Nội dung

Ngoài ra còn 2 yếu tố khác là Chính sách của Chính phủ và Cơ hội. Đây là 2 yếu tố tác động tới 4 yếu tố cơ bản kể trên.

- *Cơ hội* là những sự kiện, những sự thay đổi đặc biệt quan trọng có thể tái định hình cơ cấu ngành và mở ra nhưng cơ hội mới có thể chiến lĩnh được vị thế của của các quốc gia khác.
- *Chính phủ*: có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực , thúc đẩy hoặc gây bất lợi đến lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

**Điều kiện các yếu tố sản xuất**

**Đầu vào cơ bản - đầu vào cao cấp**

**Nhân lực**

**Tài nguyên thiên nhiên**

**Tri thức**

**Vốn**

**Cơ sở hạ tầng**

**Cơ chế hình thành đầu vào: Nhà nước hay doanh nghiệp**



**Điều kiện nhu cầu trong nước**

**Bản chất nhu cầu**

**Dung lượng**

**Cơ chế lan truyền nhu cầu**

**Các ngành công nghiệp hỗ trợ và có liên quan**

**Spillover effect:**

**vertical:**

**Horizontal: thông tin, con người**

**Chiến lược, cơ cấu và môi trường cạnh tranh**





## III. Lợi ích của ngoại thương

1. Đối với quốc gia
2. Đối với doanh nghiệp



# III. LỢI ÍCH CỦA NGOẠI THƯƠNG

## 1. Đối với quốc gia

- Ngoại thương dẫn tới sự tăng lên của những loại hàng hóa có thể tiêu dùng được trong nền kinh tế bằng hai cách:
  - + Cho phép khối lượng hàng tiêu dùng khác với số hàng sản xuất ra.
  - + Cho phép một sự thay đổi có lợi phù hợp trong các đặc điểm của sản xuất.
- Đa dạng hóa sản phẩm (nhằm phân tán rủi ro)



# III. LỢI ÍCH CỦA NGOẠI THƯƠNG

## 1. Đối với quốc gia

- Đạt được hiệu quả kinh tế nhờ quy mô (lợi ích hiệu quả từ việc tăng quy mô)
- Lợi ích thúc đẩy cạnh tranh (giảm nguồn lợi thị trường của các công ty trong nước)
- Hợp lý hóa sản xuất, phân phối (loại bỏ các công ty kém hiệu quả)
- Tăng tốc độ, phong phú về sản phẩm có lợi cho người tiêu dùng và sản xuất.



# III. LỢI ÍCH CỦA NGOẠI THƯƠNG

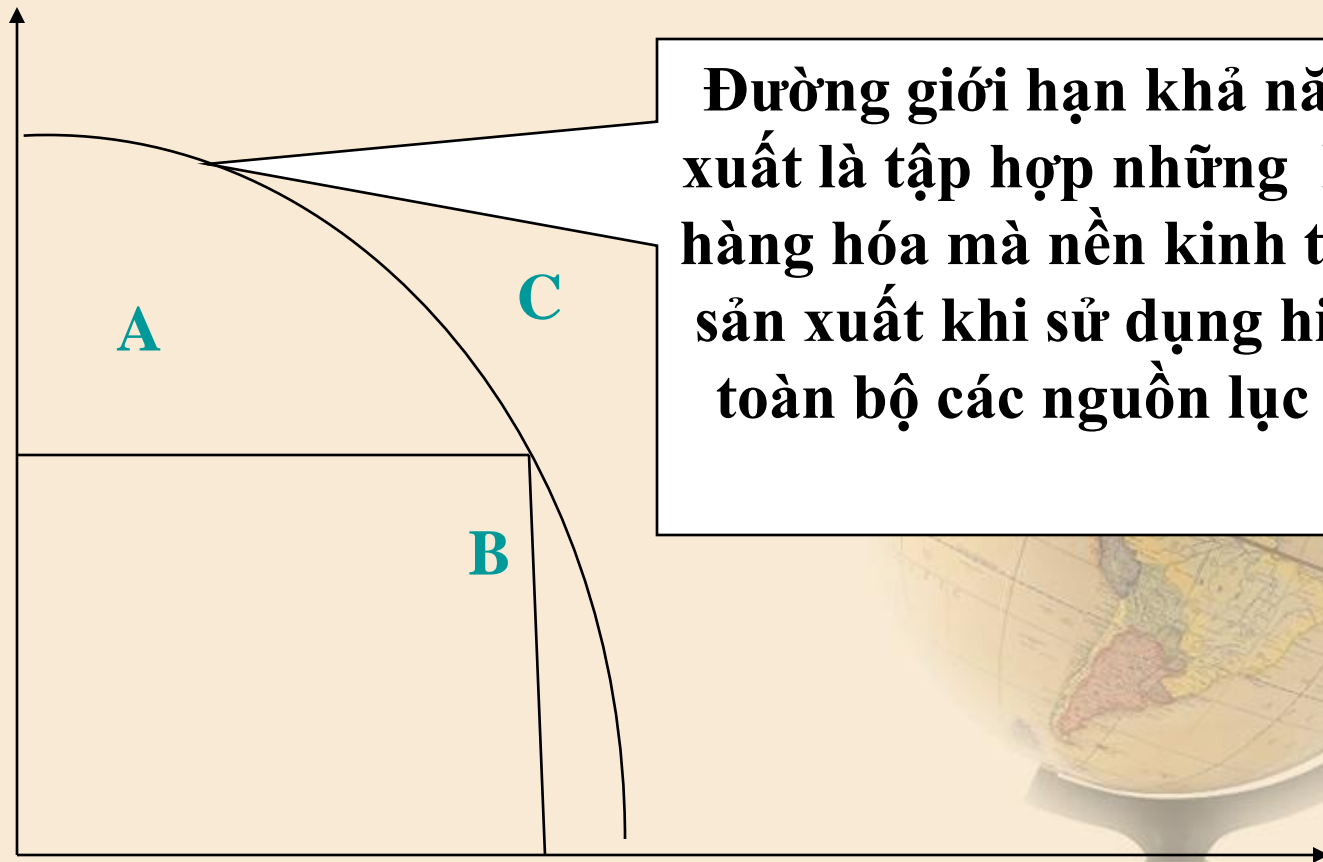
## 2. Đối với các doanh nghiệp

- Sử dụng khả năng dư thừa
- Giảm chi phí
- Lợi ích nhiều hơn
- Phân tán rủi ro
- Cơ hội nhập khẩu



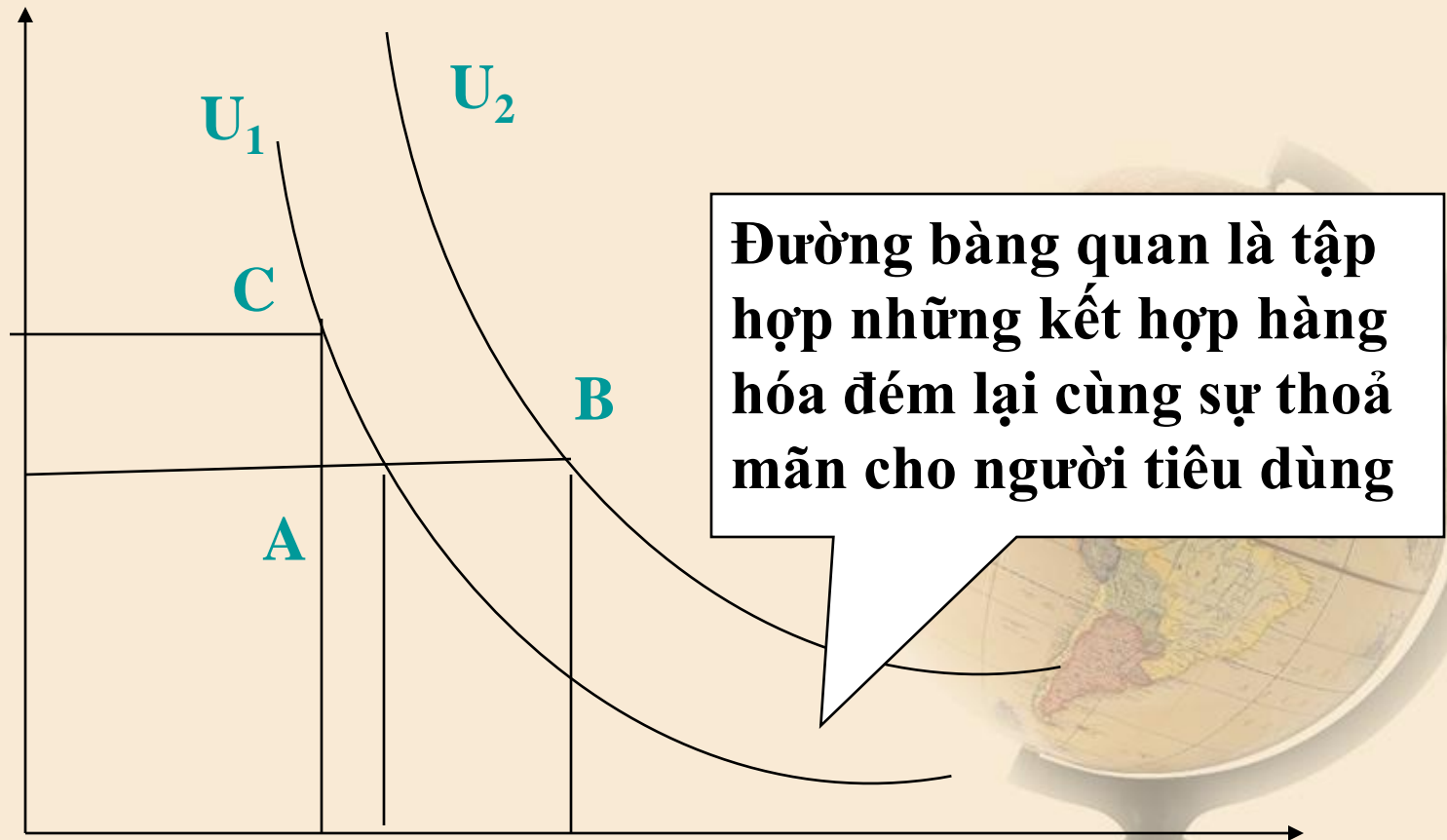


### Đường giới hạn khả năng sản xuất PPF- Production Possibility Frontier



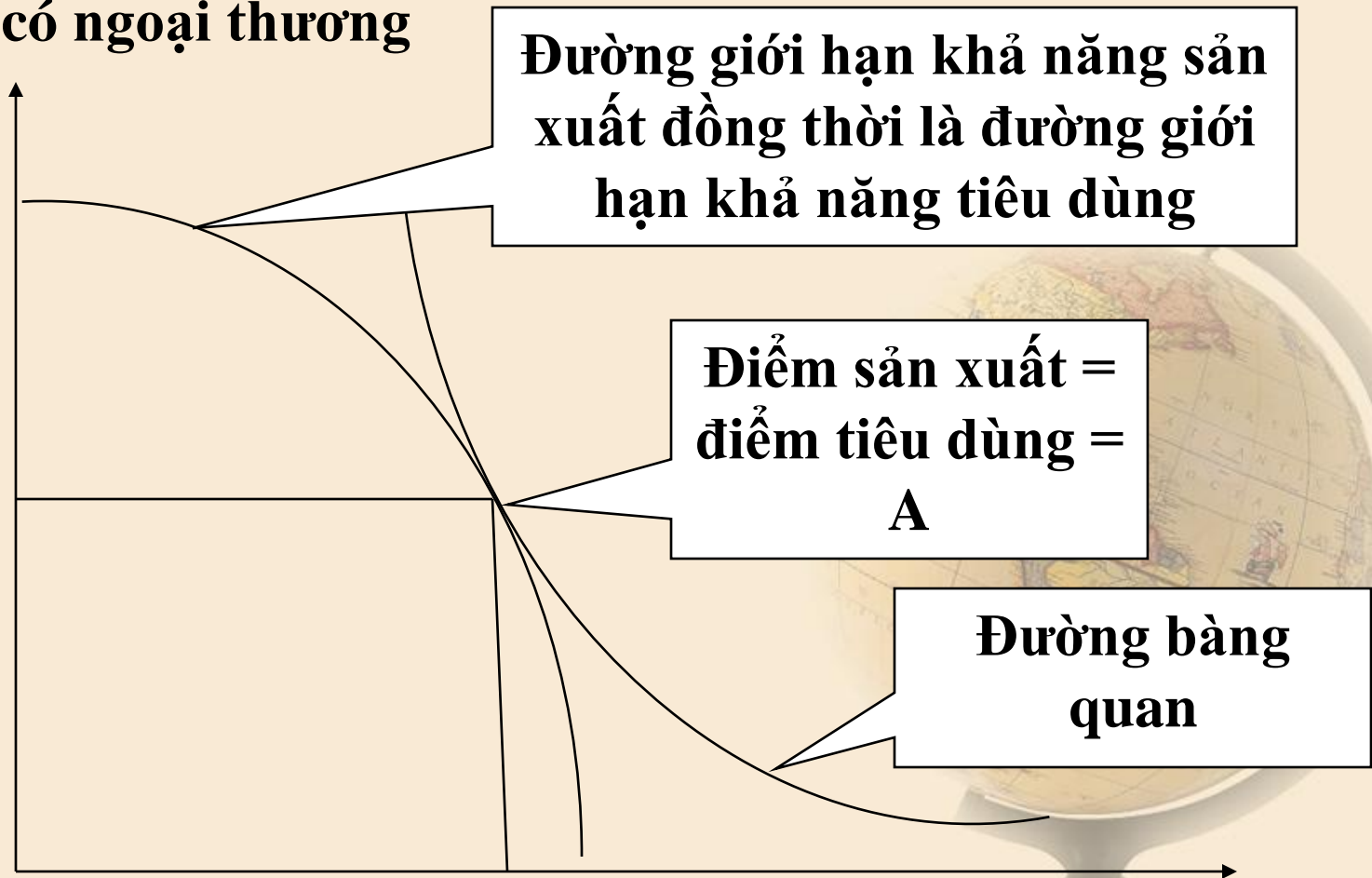
**Đường giới hạn khả năng sản xuất là tập hợp những kết hợp hàng hóa mà nền kinh tế có thể sản xuất khi sử dụng hiệu quả toàn bộ các nguồn lực sẵn có**

## Đường bàng quan (Indifferent curve)



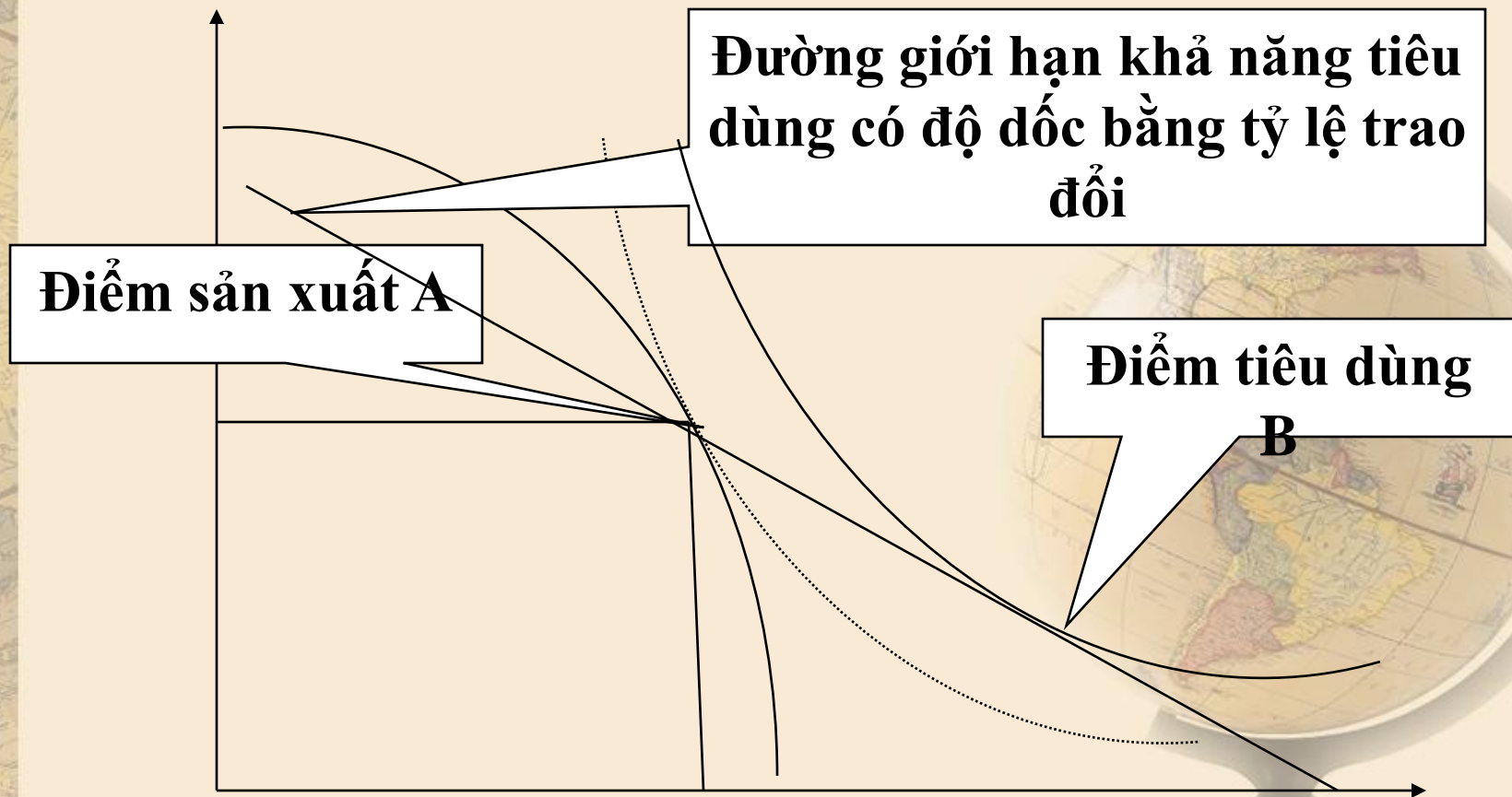
### a. Lợi ích của Ngoại thương

Khi chưa có ngoại thương



## a. Lợi ích của Ngoại thương

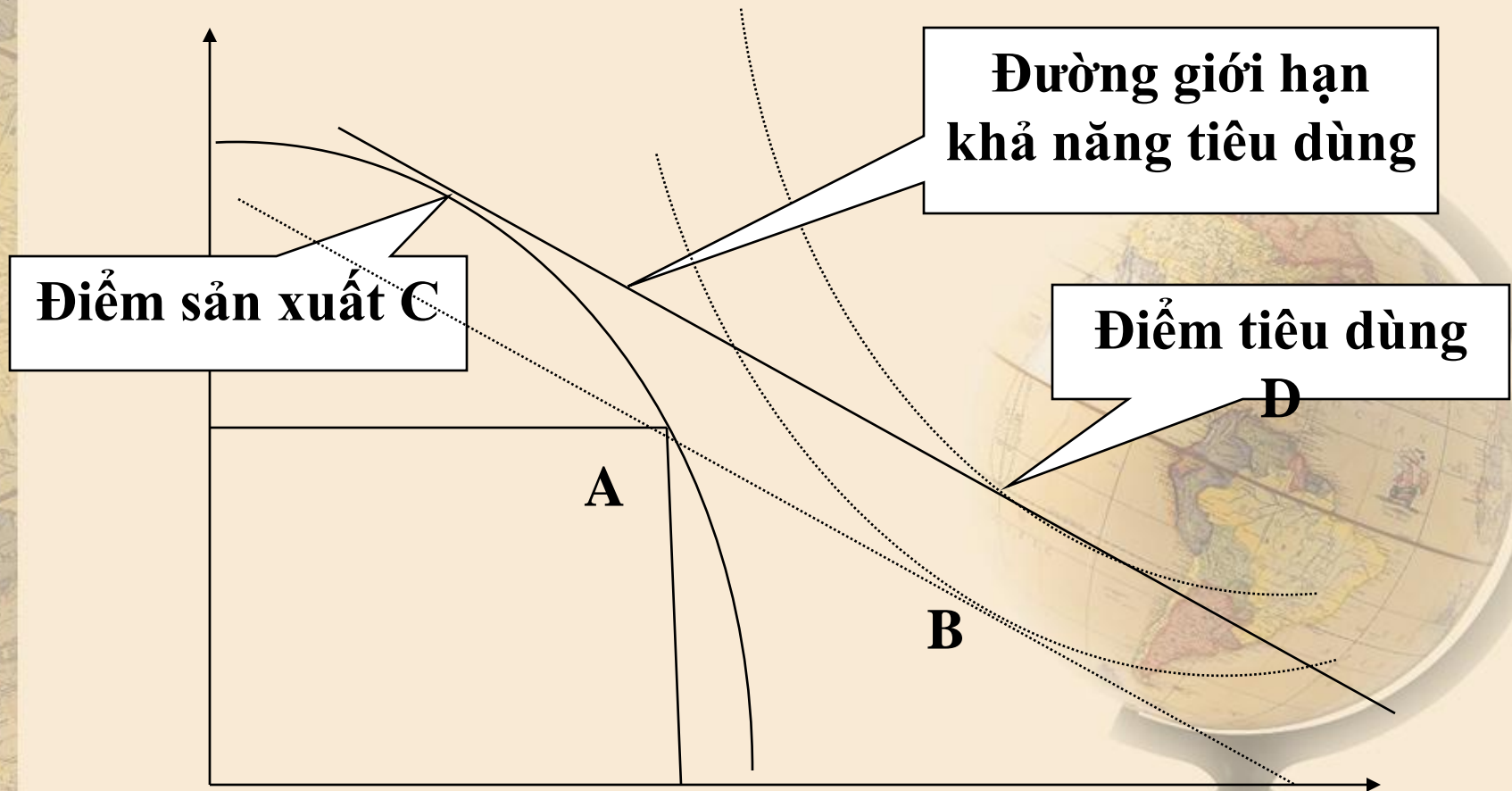
Lợi ích từ trao đổi: gain from exchange



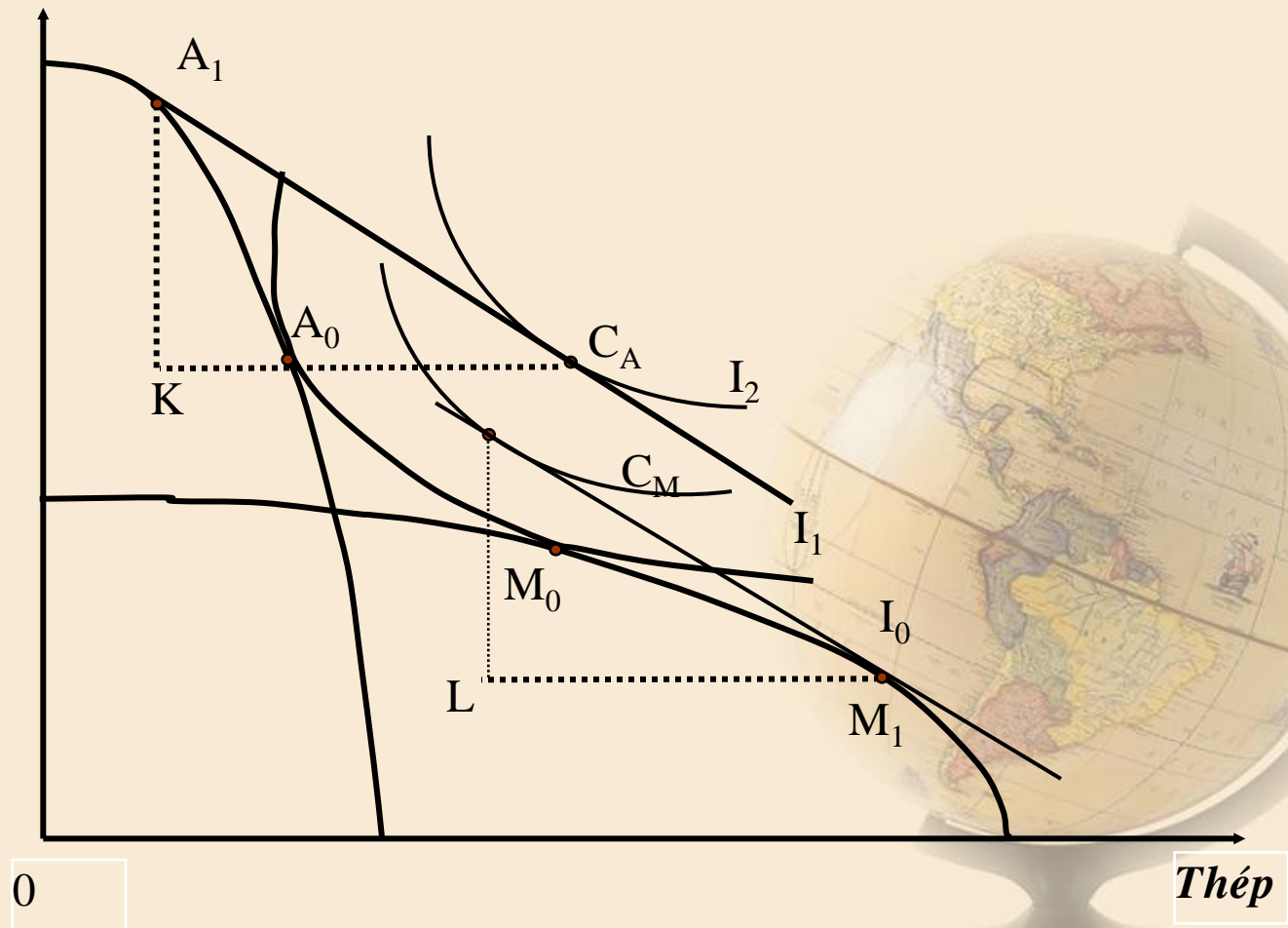


## a. Lợi ích của Ngoại thương

Lợi ích từ chuyên môn hóa: gain from specialization



*Vải*



### **a. Lợi ích của Ngoại thương**

**Mở rộng và thay đổi cơ cấu tiêu dùng nhằm đem lại sự thỏa mãn cao hơn**

**Đa dạng hóa sản phẩm (nhằm phân tán rủi ro)**

**Đạt được hiệu quả kinh tế nhờ quy mô (lợi ích hiệu quả từ việc tăng quy mô)**

**Thúc đẩy cạnh tranh (giảm nguồn lợi thị trường của các công ty trong nước)**

**Hợp lý hóa sản xuất, phân phối (loại bỏ các công ty kém hiệu quả).**

### b. Nguồn gốc lợi ích của ngoại thương

**Sự khác biệt về nguồn lực**

**Nguồn lực tự nhiên**

**Nhân lực**

**Cơ sở hạ tầng**

**Khoa học kỹ thuật**

**Quy mô sản xuất**

**Chuyên môn hóa**

**Chi phí  
sản xuất**

**LỢI ÍCH  
CỦA  
NGOẠI  
THƯƠNG**



**Đối với doanh nghiệp**

**Động lực xuất khẩu:**

**Sử dụng khả năng dư thừa**

**Thu được nhiều lợi ích hơn**

**Phân tán rủi ro**

**Cơ hội nhập khẩu**

**Động lực nhập khẩu:**

**Có được nguồn cung cấp rẻ**

**Có thêm nhiều mặt hàng, nhiều sản phẩm**

**Giảm rủi ro do phụ thuộc vào nhà cung cấp**



### IV. Ngoại thương của một nền kinh tế mở quy mô nhỏ

#### Giả thuyết:

Nền kinh tế mở: không có các rào cản thương mại, bỏ qua chi phí vận chuyển,...

Nền kinh tế quy mô nhỏ: lượng xuất, nhập khẩu không ảnh hưởng đến cung cầu trên thị trường thế giới → điều kiện chấp nhận giá → Đường  $P_w$  là đường thẳng nằm ngang, song song với trục  $Q$



### IV. Ngoại thương của một nền kinh tế mở quy mô nhỏ

#### Nhận xét:

Trong một nền kinh tế mở, những dư thừa hay thiếu hụt về một loại hàng hóa sẽ được bù đắp bởi xuất khẩu hoặc nhập khẩu

Trong nền kinh tế mở quy mô nhỏ, nếu mọi yếu tố khác cân bằng thì sự thay đổi về cung cầu trong nước sẽ dẫn đến sự thay đổi về số hàng xuất nhập khẩu hơn là sự thay đổi về giá trong nước.

### IV. Ngoại thương của một nền kinh tế mở quy mô nhỏ

**Thực tế:**

**Có tồn tại nền kinh tế mở không?**

- EU

- Mỹ

**Các nền kinh tế quy mô nhỏ có thể liên kết để tác động đến giá thế giới?**

- OPEC?

- Các nước xuất khẩu cà phê?

